

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/02/2022

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3-P9+P2	7:25	14+0+0	0+0+0		0+0+0	0+0+0	CHUYEN 9 P9 P2

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RP3 - P9 - P2	CREW: Nam - ĐNam - QTrưởng	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN TRUNG	RP3	40	1	8		75	KHI	Vietnamese
2	LÊ VĂN ĐẠI	RP3	50-51	2	10		67	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN XUNG	RP3	41-42	2	10		65	KHI	Vietnamese
4	LÊ QUANG HUY	RP3	59-60	2	17		74	KHI	Vietnamese
5	HOANG HUY HIỆU	RP3	47	1	5		62	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KHAI	RP3	61	1	10		54	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC HUNG	RP3	38	1	5	85	79	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	RP3	45-46	2	10		66	KHI	Vietnamese
9	PHẠM THAI SƠN	RP3	57-58	2	17	17	56	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG QUANG LỘC	RP3	43-44	2	18		64	KHI	Vietnamese
11	HOANG ĐỨC HAI	RP3	48-49	2	20		68	KHI	Vietnamese
12	MAI ĐÌNH KHANG	RP3	53-54	2	15		50	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3	55-56	2	18		67	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRI PHUOC	RP3	52	1	15		71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	23	178	918	102	0		CHUYEN 09 PAX P9 SANG P2
2	P9	0	0	0	0	0	0	9	
3	P2	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		14	23	178	918	102	0		
WEIGHT KG				178	918	102			

GRAND TOAL: 1.198 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/02/2022

STT	NOMBA	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	Y	P5+TD1+TD5	7:25	16+1+4	0+0+0		10+1+0	0+0+0	

TTPDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P5 - TD1 - TD5	CREW: HƯNG - N.Anh - MQUÂN	ETA: 09:30
XANH-1			

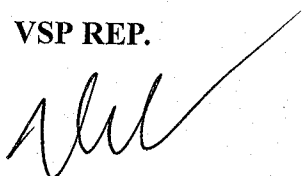
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HOAN	P5	68	1	5	20	73	XAYLAP	Vietnamese
2	TRƯƠNG VĂN ĐỨC	P5	32	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG KHAC CUONG	P5	45	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM MINH TRUNG	P5	46-47	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG VŨ	P5	59	1	11	18	43	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN TUYỀN	P5	48-49	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN DUY ANH	P5	50-51	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI TRONG HOI	P5	67	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG QUYNH	P5	54-55	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ XUÂN LẬP	P5	58	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
11	HÀ HỮU THAI	P5	63-64	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
12	LUÔNG ĐỨC DÂN	P5	33-34	2	14		69	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN VĂN HẠNH	P5	52-53	2	18		82	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HUY DUÂN	P5	56-57	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN TUÂN	P5	61	1	10	18	62	XAYLAP	Vietnamese
16	CÙ CHÍ CÔNG	P5	65-66	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ ANH TUÂN	TD1	36	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC ĐẠI	TD5	59	1	5	18	84	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ VIỆT HUÂN	TD5	60	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TRUNG	TD5	54	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN TIẾP	TD5	55-56	2	17		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

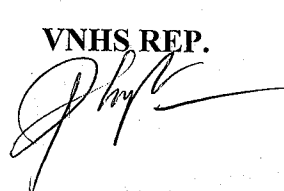
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	16	25	227	1.113	56	10		
2	TD1	1	1	11	73	0	1		
3	TD5	4	5	49	310	18	0		
TOTAL		21	31	287	1.496	74	11		
WEIGHT KG				287	1.496	74			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

